

Bản án số: 141/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/11/2021

V/v “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T – TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Văn Bạ**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Ánh Dương** - Kiểm sát viên

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 610/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/9/2019 về việc “**Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2021, Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 12/7/2021, Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 02/8/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử ngày 05/11/2021 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Ông **Chu Văn H** – sinh năm 1971

Địa chỉ: 19 đường L, xã T, thành phố T

Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Tường L** – Văn phòng luật sư Nguyễn Tường L – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H.

Có mặt

- Bị đơn: Bà **Hoàng Kỳ Thục U** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Căn hộ 10-17 chung cư Đ, xã T, thành phố T

Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty cổ phần đầu tư V

Địa chỉ: Tòa nhà V, đường A1, khu đô thị T, thành phố T

Có đơn xin vắng mặt

2/ Bà **Đỗ Thị H** – sinh năm 1955

Địa chỉ: 185/1 đường K, phường H, thành phố T

Có đơn xin vắng mặt  
3/ Bà **Hoàng Kỳ Minh U** – Sinh năm 1973  
Địa chỉ: 98 đường C, phường 9, thành phố T.  
Có đơn xin vắng mặt

- Người làm chứng:

1/ Bà **Vũ Thị Th**

Địa chỉ: Căn hộ 6 Tòa nhà C Khu đô thị T, thành phố T.

Có đơn xin vắng mặt

2/ Bà **Vũ Thị Như H**

Địa chỉ: Số 9 đường 13 KĐT P II, thành phố T

Có đơn xin vắng mặt

3/ Bà **Hoàng Thị Lệ H**

Địa chỉ: 803 đường P, thành phố T

Có đơn xin vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Tôi và cô Hoàng Kỳ Thục U kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn. Nay tôi xin ly hôn với cô U vì vợ chồng mâu thuẫn, khi xích mích gì thì cô U đều đưa đơn ly hôn và bắt tôi ký. Tôi không ký thì cô U khóa cửa không cho đi làm và có lần còn đui và đánh tôi, không thể hòa giải được. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 9/2019 nhưng vẫn sống chung nhà. Ngày 30/11/2019 cô U tự dọn đồ đạc và đi ra khỏi nhà.

Tôi và cô U có 02 con chung là Chu Huy H1 sinh ngày 03/4/2009 và Chu Huy H2 sinh ngày 12/5/2012. Tôi có ý kiến là mỗi người nuôi 01 con, tôi nuôi cháu nào cũng được, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung:

Tôi và cô U có tài sản chung là căn hộ 621 Chung cư C Khu đô thị T – xã N – thành phố T. Tài sản này chia đôi, tôi nhận căn hộ và thanh toán lại cho cô U ½ giá trị căn hộ theo giá Hội đồng định giá ngày 08/12/2020.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cô Hoàng Kỳ Thục U thanh toán cho tôi khoản tiền sau:

+ Tiền lãi và gốc tôi đã trả cho Ngân hàng TMCP T từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2020: 22.515.772 đồng. Tôi yêu cầu cô U trả lại tôi 11.259.411 đồng

+ Phí chung cư từ tháng 09/2019 đến tháng 06/2021 (mỗi tháng 180.000 đồng): tôi yêu cầu cô U trả lại tôi 1.620.000 đồng

+ Số tiền tôi đã đưa cho cô U: 400.000.000 đồng. Đây là số tiền tôi phải đi vay để đưa cho cô U để tôi lấy căn hộ như thỏa thuận ngày 29/8/2019. Tôi không hề tự nguyện đưa tiền cho cô U như cô U đã trình bày hỗ trợ nuôi con. Ngoài số tiền này thì tôi không đưa cô U số tiền nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án tôi có yêu cầu tòa án đưa căn hộ C1.16.02 tại dự án S, phường H, quận C, thành phố M (căn hộ này do cô U dùng 400.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng để mua) để chia theo quy định của pháp luật nhưng sau đó tôi đã rút yêu cầu này. Tôi chỉ yêu cầu cô U trả lại tôi 400.000.000 đồng.

+ Tiền lãi mỗi tháng của số tiền 400.000.000 đồng tính từ tháng 9/2019 đến tháng 7/2021: 22 tháng x 3.000.000 đồng = 66.000.000 đồng. Nhưng cần trừ số tiền nuôi con tôi phải đưa cho cô U (20 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 40.000.000 đồng) nên tôi chỉ yêu cầu cô U trả lại tôi 22.000.000 đồng

+ Tiền tạm ứng án phí tôi đã nộp ngày 09/12/2019 là 21.000.000 đồng : 2 = 10.500.000 đồng

+ Tiền tạm ứng án phí tôi đã nộp ngày 28/01/2021 là 11.148.000 đồng : 2 = 5.574.000 đồng

Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết tài sản nào khác.

*- Bị đơn bà Hoàng Kỳ Thục U trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Tôi và anh Chu Văn H kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn. Nay anh H xin ly hôn, tôi đồng ý vì giữa chúng tôi có quá nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 9/2019.

Tôi và anh H có 02 con chung là Chu Huy H1 sinh ngày 03/4/2009 và Chu Huy H2 sinh ngày 12/5/2012. Tôi xin nuôi 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung:

Tôi và anh Hùng có tài sản chung là căn hộ 621 Chung cư C Khu đô thị T – xã N – thành phố T. Tài sản này chia đôi, nếu anh H nhận căn hộ thì thanh toán cho tôi ½ giá trị căn hộ theo giá Hội đồng định giá ngày 08/12/2020.

Về số tiền 400.000.000 đồng mà anh H đã đưa cho tôi ngày 12/9/2019, tôi xin trình bày đây là tiền anh H tự nguyện hỗ trợ tôi nuôi con khi tôi dọn ra khỏi nhà và tôi đã dùng số tiền này để thuê nhà, lo ăn học cho con ... nên không còn tiền để đưa lại cho anh H. Ngoài khoản tiền này thì anh H không đưa tôi thêm khoản tiền nào khác. Tôi không đồng ý trả lại cho anh H 400.000.000 đồng vì tôi đã chi dùng hết cho 2 con.

Tôi không đồng ý trả số tiền lãi mà anh H nói đã vay 400.000.000 đồng để đưa tôi vì tôi không biết việc vay mượn này.

Tại phiên tòa hôm nay tôi đồng ý thanh toán lại cho anh H ½ khoản tiền trả cho Ngân hàng TMCP T và tiền phí chung cư mà anh H đã thanh toán.

Về 2 khoản tiền tạm ứng án phí tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết tôi có yêu cầu anh H đưa cho tôi thêm 100.000.000 đồng (số tiền ban đầu anh H nói sẽ hỗ trợ mẹ con tôi 500.000.000 đồng nhưng chỉ mới đưa 400.000.000 đồng) nhưng sau đó tôi đã rút yêu cầu này. Hôm nay tôi khẳng định, tôi vẫn rút yêu cầu không yêu cầu anh H đưa thêm 100.000.000 đồng nữa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần đầu tư V trình bày trong hồ sơ:*

Căn hộ 621 Chung cư C thuộc Khu đô thị T đã được Công ty V bán cho ông Chu Văn H và bà Hoàng Kỳ Thục U từ năm 2013, đến nay chúng tôi đã hoàn thành việc bàn giao căn hộ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông H – bà U. Như vậy, công ty V không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc tranh chấp này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đỗ Thị H trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai:*

Trước ngày 07/9/2019 khoảng 4-5 ngày gì đó anh Chu Văn H đến hỏi mượn tôi 400.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình giữa anh và chị Hoàng Kỳ Thục U. Lúc đó anh H chỉ đi một mình không có cô U. Sau khi nghe anh H hỏi thì tôi đồng ý cho anh H mượn tiền. Trong ngày 07/9/2019 tôi đưa tiền cho anh H 4 lần đủ 400.000.000 đồng và cũng trong ngày 07/9/2019 sau khi nhận đủ 400.000.000 đồng thì anh H viết giấy mượn tiền để tôi ký. Tôi cho anh H mượn bằng tiền mặt. Từ khi mượn thì hàng tháng anh H trả tôi 3.000.000 đồng tiền lãi, anh H trả từ tháng 10/2019 đến nay, trả bằng tiền mặt không ký nhận gì. Việc vay mượn giữa tôi và anh H để chúng tôi tự giải quyết với nhau. Tôi không yêu cầu Tòa án buộc anh H trả lại tiền đã mượn cho tôi trong vụ án ly hôn giữa anh H và cô U.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hoàng Kỳ Minh U trình bày trong hồ sơ:*

Ngày 12/10/2019 bà về thành phố T để lo một số tiền cho việc mua nhà của gia đình bà. Đến ngày 13/10/2019 bà gom được số tiền mặt hơn 400.000.000 đồng nhưng vì đã chiều tối ngân hàng không còn giao dịch nên bà không nộp tiền vào tài khoản được. Vì phải đi vào thành phố V gấp trong đêm đó và không thể ôm một số tiền lớn khi đi xe khách nên bà đã nhờ em ruột bà là Hoàng Kỳ Thục U chuyển giúp 400.000.000 đồng vào sáng ngày 14/10/2019 gấp. Bà xác nhận số tiền 400.000.000 đồng là tài sản của bà, không liên quan đến Hoàng Kỳ Thục U. Số tiền này bà dùng để mua căn hộ C tháp C Cao ốc Sa đường C, phường H, Quận C, thành phố M, hợp đồng chuyển nhượng căn hộ đứng tên bà Hoàng Kỳ Minh U.

- *Người làm chứng – bà Vũ Thị Th trình bày trong hồ sơ:*

Bà là hàng xóm của ông Chu Văn H và bà Hoàng Kỳ Thục U. qua 1 thời gian gần 6 năm sinh sống cùng nhau, bà thấy bà U là người phụ nữ hiền thực đảm đang, luôn dành thời gian chăm sóc hai con nhỏ trước và sau giờ làm việc cùng những ngày nghỉ cuối tuần, đưa đi học, đưa đi chơi, tự tay nấu nướng cho các con. Vì vậy, bà mong Tòa án giải quyết để bà U được nuôi dạy hai con để anh em chúng không phải rời xa nhau.

- *Người làm chứng – bà Hoàng Thị Lệ H trình bày trong hồ sơ:*

Bà là đồng nghiệp của bà Hoàng Kỳ Thục U. Cùng làm đã lâu nên bà biết bà U là người hiền lành, đảm đang, rất thương yêu con, chăm sóc cho con rất chu đáo. Mặt khác, thu nhập của bà U đủ để nuôi các con ăn học nên mong Tòa tạo điều kiện cho bà U được nuôi dưỡng hai con.

- *Người làm chứng – bà Võ Thị Như H trình bày trong hồ sơ:*

Bà là bạn thân của vợ chồng ông H – bà U từ năm 2009. Ông H thường xuyên vắng nhà do tính chất công việc nên một mình bà Uyên phải chăm sóc và dạy dỗ hai con. Mong Tòa tạo điều kiện để bà U nuôi dạy hai con.

Phát biểu lời bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, luật sư trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà U trả lại ông H 400.000.000 đồng cùng tiền lãi vì việc vay mượn là có thật và đây là tiền thỏa thuận để ông Hùng nhận căn hộ chứ không phải là tiền hỗ trợ nuôi con và việc bà U chuyển tiền cho chị là Hoàng Kỳ Minh U là không rõ ràng. Đề nghị chấp nhận các yêu cầu của ông H.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham

gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H ly hôn, hai con chung giao cho bà U nuôi dưỡng. Về phần tài sản chung thì chấp nhận giải quyết chia đôi căn hộ 6 Chung cư C thuộc Khu đô thị T, ông H nhận nhà và thanh toán lại tiền cho bà U, chấp nhận yêu cầu buộc bà U thanh toán lại cho ông Hùng khoản tiền trả cho Ngân hàng TMCP T để tắt toán khoản nợ vay và tiền phí chung cư, không chấp nhận yêu cầu buộc bà U trả lại 400.000.000 đồng và tiền lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Việc ông Chu Văn H khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn với bà Hoàng Kỳ Thục U, xét yêu cầu khởi kiện của ông H là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Kỳ Thục U có yêu cầu ông Chu Văn H thanh toán cho bà số tiền 100.000.000 đồng theo thỏa thuận ngày 10/9/2019 giữa ông H và bà U. Bà U đã nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà U đã rút yêu cầu nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà U.

Tại phiên tòa, Công ty cổ phần đầu tư V, bà Đỗ Thị H, bà Hoàng Kỳ Minh U, bà Vũ Thị T, bà Hoàng Thị Lệ H, bà Võ Thị Như H vắng mặt nhưng tất cả đều có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Ông Chu Văn H và bà Hoàng Kỳ Thục U tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường T – thành phố T – tỉnh Khánh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp.

**Hội đồng xét xử xét thấy:** Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của ông H và bà U có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Cả hai đều thừa nhận không còn sống chung từ tháng 9/2019 đến nay. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà U đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

**[2.2]** Về con chung: Ông Chu Văn H và bà Hoàng Kỳ Thục U có 02 con chung là Chu Huy H1 sinh ngày 03/4/2009 và Chu Huy H2 sinh ngày 12/5/2012. Ông H có nguyện vọng muốn nuôi một con chung, bà U muốn nuôi cả hai con. Xét về điều kiện kinh tế, cả bà U và ông H đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng ngoài việc đảm bảo về tài chính nuôi con còn phải đảm bảo về mặt tinh thần để con trẻ được phát triển tâm sinh lý một cách tốt nhất. Từ khi bà U và ông H không sống chung với nhau thì hai con chung do bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai cháu hiện đang sống cùng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai con chung là cháu H và cháu H đều có mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, để

tránh sự xáo trộn về mặt tâm lý, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần cho con chung. Chấp nhận giao 02 con chung là Chu Huy H1 sinh ngày 03/4/2009 và Chu Huy H2 sinh ngày 12/5/2012 cho bà Hoàng Kỳ Thục U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

**[2.3]** Về tài sản chung và nợ chung:

- Ông H và bà U đều thừa nhận có tài sản chung là căn hộ 6 Chung cư C Khu đô thị T, xã N, thành phố T. Tài sản này cả hai đều đồng ý chia đôi, ông H nhận căn hộ và thanh toán lại cho bà U  $\frac{1}{2}$  giá trị căn hộ theo giá Hội đồng định giá ngày 08/12/2020.

Căn hộ 6 Chung cư C Khu đô thị T, xã N, thành phố T có diện tích 90m<sup>2</sup> có giá là 1.500.000.000 đồng. Như vậy, ông H được sở hữu căn hộ này và thanh toán lại cho bà U 750.000.000 đồng.

- Ông H yêu cầu bà U thanh toán cho ông H các khoản tiền sau:

+ Về khoản tiền lãi và gốc phải trả cho Ngân hàng TMCP T từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2020: 11.259.411 đồng ông H yêu cầu bà U thanh toán lại cho ông H, hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền phải trả cho ngân hàng để mua Căn hộ 6 Chung cư C Khu đô thị T, xã N, thành phố T là tài sản chung của ông H và bà U. Ông H và bà U ly thân từ tháng 9/2019 đến nay, mạnh ai nấy sống. Theo xác nhận của Ngân hàng TMCP T thì ông Chu Văn H đã thanh toán các khoản lãi, gốc hàng tháng từ tài khoản tiền gửi của ông H tại Ngân hàng T từ ngày 26/9/2019 đến ngày 22/10/2020 là 22.515.772 đồng. Bà U cũng thừa nhận việc thanh toán cho ngân hàng được ông H chi trả nên chấp nhận yêu cầu này của ông H. Tuy nhiên số tiền ông H thanh toán cho ngân hàng là 22.515.772 đồng nên chỉ chấp nhận buộc bà U thanh toán lại cho ông H 11.257.886 đồng ( $22.515.772 \text{ đồng} : 2 = 11.257.886 \text{ đồng}$ )

+ Về khoản phí chung cư từ tháng 09/2019 đến tháng 06/2021: 1.620.000 đồng. Căn hộ chung cư này là tài sản chung của ông H và bà U nên chấp nhận yêu cầu này của ông H, buộc bà U thanh toán lại cho ông H 1.620.000 đồng.

+ Về số tiền 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ tháng 9/2019 đến tháng 7/2021: Bà U thừa nhận có nhận của ông H 400.000.000 đồng vào ngày 12/9/2019. Ông H đã rút 400.000.000 đồng từ tài khoản của ông H tại Ngân hàng TMCP Đ (có chứng từ kèm theo) để giao cho bà U. Ông H cho rằng số tiền 400.000.000 đồng là ông vay của bà Đỗ Thị H để đưa cho bà U. Tuy nhiên, ông H và bà Đỗ Thị H đều khai ngày 07/9/2019 bà H đưa ông H nhiều lần tổng số tiền 400.000.000 đồng và cũng cùng ngày 07/9/2019 ông H viết giấy mượn tiền. Theo công văn của Ngân hàng TMCP Đ thì tài khoản ông H có được 400.000.000 đồng là nhận chuyển khoản 300.000.000 đồng từ tài khoản của ông H tại Ngân hàng TMCP T ngày 06/9/2019. Công văn của Ngân hàng TMCP T trả lời về việc tài khoản ông H có số tiền 300.000.000 đồng vào thời gian nào, do ai chuyển là tài khoản trước đó phát sinh nhiều giao dịch ghi có với số tiền nhỏ trong thời gian dài. Ông H không chứng minh được nguồn tiền này là do ông vay mượn bạn bè như ông trình bày. Như vậy, có thể nhận thấy số tiền 400.000.000 đồng ông H đưa cho bà U là tiền trong tài khoản của ông H được hình thành trong thời gian dài, là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Còn số tiền 400.000.000 đồng mà ông H trình bày là mượn của bà Đỗ Thị H được ông H chứng minh bằng lời khai và giấy mượn tiền ngày

07/9/2019, nếu có chẳng thì đây là việc vay mượn giữa cá nhân ông H và bà H, không liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng ông H đưa cho bà U. Số tiền 400.000.000 đồng ông H đưa cho bà U trong thời kỳ ông H và bà U vẫn là quan hệ vợ chồng hợp pháp, đã được bà U chi tiêu vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ con cái. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông H.

+ Tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp ngày 09/12/2019 là 21.000.000 đồng : 2 = 10.500.000 đồng và tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp ngày 28/01/2021 là 11.148.000 đồng : 2 = 5.574.000 đồng. Tổng hai khoản này là 16.074.000 đồng. Hai khoản tiền tạm ứng án phí này là tạm ứng án phí ông H nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T để Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông H. Vì đây là nghĩa vụ của nguyên đơn phải nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không chấp nhận yêu cầu này của ông H.

Trong quá trình Tòa án giải quyết bà U có yêu cầu anh Hùng đưa cho bà U thêm 100.000.000 đồng nhưng sau đó trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà U đã rút yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ yêu cầu này của bà U.

- Về án phí:

Ông Chu Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Chu Văn H phải nộp án phí đối với giá trị  $\frac{1}{2}$  căn hộ chung cư (750.00.000 đồng) được nhận là 34.000.000 đồng.

Bà Hoàng Kỳ Thục U phải nộp án phí đối với giá trị  $\frac{1}{2}$  căn hộ chung cư (750.00.000 đồng) được nhận là 34.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 146, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Thông tư 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 về Ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Chu Văn H được ly hôn bà Hoàng Kỳ Thục U.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung Chu Huy H1 sinh ngày 03/4/2009 và Chu Huy H2 sinh ngày 12/5/2012 cho bà Hoàng Kỳ Thục U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Chu Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời ông H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà U, ông H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung:

- Ông Chu Văn H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà U 750.000.000 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

Ông Chu Văn H được sở hữu căn hộ 6 Chung cư C Khu đô thị T, xã N, thành phố T. Ông H có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký theo quy định.

- Bà Hoàng Kỳ Thục U có nghĩa vụ thanh toán cho ông Chu Văn H 11.257.886 đồng + 1.620.000.000 đồng = 12.877.886 đồng (*mười hai triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng*)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Chu Văn H về việc buộc bà Hoàng Kỳ Thục U trả lại ông số tiền 400.000.000 đồng, tiền lãi, tiền tạm ứng án phí 16.074.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc ông Chu Văn H đưa thêm 100.000.000 đồng của bà Hoàng Kỳ Thục U.

4/ Về án phí:

Ông Chu Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 34.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Chu Văn H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015343 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, Ông Chu Văn H đã nộp 21.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015691 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T và ông H đã nộp 11.148.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000395 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T. Như vậy, ông H còn phải nộp thêm 1.852.000 đồng (*một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí.

Bà Hoàng Kỳ Thục U phải nộp 34.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Kỳ Thục U đã nộp 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015680 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T. Bà Hoàng Kỳ Thục U còn phải nộp thêm 31.500.000 đồng (*ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- UBND phường T- thành phố T  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Đào Dương Thị Phương Dung**